



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2020

*(Theo hướng dẫn tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số: 131/BC-CTCPNS

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên**
- Giấy chứng nhận
đăng ký doanh
nghiệp số: 4600100109
Do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu
ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 5 ngày
17/5/2018 về nội dung thay đổi đăng ký
doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ : 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của
chủ sở hữu: 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Trụ sở chính : Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương,
TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại : (+84).0208.3851537
- Fax: (+84).0208.3852976
- Website : <http://www.thawaco.vn>
- Mã cổ phiếu : TNW

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên (theo Quyết định

Tuo

số: 2691/QĐ- UBND ngày 22/10/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Công ty tiến hành phiên họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/12/2009 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2010.

Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập:

- **Năm 1962:** Nhà máy nước Túc Duyên được thành lập.
- **Ngày 31/12/1992:** Doanh nghiệp Nhà nước: Nhà máy nước Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-UB ngày 31/12/1992 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 24/11/1993:** Nhà máy nước Bắc Thái được đổi tên thành Công ty Cấp nước Bắc Thái, tại Quyết định số 746/UB-QĐ ngày 24/11/1993 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 04/4/1997:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 681/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Cấp nước Bắc Thái thành Công ty Cấp nước Thái Nguyên.
- **Ngày 07/10/2005:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2088/QĐ-UBND về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty Cấp nước Thái Nguyên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 22/10/2009:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 21/10/2014:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2338/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu doanh nghiệp và phương án phát hành cổ phần, tăng Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên lên 160 tỷ đồng.
- **Ngày 25/4/2017:** Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017.
- **Ngày 26/5/2017:** Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước;	3600 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;	4322
4	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
5	Xây dựng nhà các loại;	4210

TND

6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290
7	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);	7020
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp; Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp, công trình điện năng; Giám sát xây dựng công trình dân dụng, cấp thoát nước, đường dây và trạm điện;	7110
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy);	5221
12	Cho thuê xe có động cơ;	7710
13	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;	8130
14	Sản xuất khác chưa phân vào đâu (Chế tạo thiết bị ngành nước);	3290
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

Địa bàn kinh doanh:

- Thành phố Thái Nguyên;
- Thành phố Sông Công;
- Thị xã Phổ Yên và các vùng lân cận;
- Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đu, huyện Phú Lương và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai và các vùng lân cận;
- Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ và các vùng lân cận;
- Khu công nghiệp Diềm Thụy và các vùng lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

Tuo

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 04 thành viên
 - + Các phòng chức năng: 05
 - + Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: 01
 - + Chi nhánh xí nghiệp sản xuất: 08

4.3 Công ty con: :

(1) Công ty TNHH Xây dựng công trình nước sạch Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

(2) Công ty TNHH Friend

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ nước tinh khiết và các đồ uống không cồn, đồ uống có cồn.

- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

4.4. Công ty liên kết:

(1) Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam

- Địa chỉ: Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- Vốn điều lệ thực góp: 83.500.000.000 đồng (Tám mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 35,91 % vốn điều lệ.

TMS

5. Định hướng phát triển:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo an toàn cấp nước cho khu vực trung tâm, phía Bắc, phía Tây thành phố Thái Nguyên và các vùng lân cận.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch 90-95 %.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch (Nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng các máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường ..., đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Giá bán nước sinh hoạt (Thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định) chưa được điều chỉnh kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch của khách hàng sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Việc sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong tình đã buộc Công ty phải chi phí di chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát thất thoát nước.

- Tỷ lệ hộ khách hàng sử dụng cả nguồn tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên mức sử dụng nước bình quân các hộ hàng tháng thấp hơn mục tiêu tại Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thiên tai, dịch bệnh trên thế giới và ở Việt Nam diễn biến hết sức phức tạp, khó lường ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội nói chung và ảnh hưởng đến mức độ tiêu thụ nước sạch của Công ty nói riêng.

(Chữ ký)

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Tỷ lệ TH so năm 2019
1	Sản lượng nước thương phẩm	m3	15.483.100	15.252.095	98,5 %	101,2 %
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	18,00	18,28	+ 0,28 %	- 0,10 %
3	Phát triển khách hàng mới	hộ	2.959	2.340	79,1 %	84,7 %
4	Giá trị tổng sản lượng	đồng	200.098.221.000	185.668.269.000	92,8 %	98,3 %
5	Giải ngân dự án, công trình	đồng	540.064.000.000	135.534.000.000	25,1 %	1.384 %
6	Tổng doanh thu	đồng	213.236.000.000	186.652.491.905	87,5 %	97,5 %
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	8.673.000.000	6.956.578.646	80,2 %	143 %
	- Khu vực cổ phần	đồng	18.273.000.000	15.024.152.095	82,2 %	93,3 %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(9.600.000.000)	(8.067.573.449)	84,0 %	71,6 %
8	Nộp ngân sách NN	đồng	16.200.000.000	13.617.977.677	84,0 %	91,0 %
9	Tổng số lao động	người	470	455	96,8 %	97,8 %
10	Thu nhập bình quân người lao động	1.000đ/ người/ tháng	7.800	8.100	103,8 %	106,6 %

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 bị ảnh hưởng lớn do dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là khoảng thời gian phải thực hiện cách ly, giãn cách xã hội đã ảnh hưởng đến sản lượng nước thương phẩm, chi phí sản xuất, doanh thu, lợi nhuận; năm 2020 giá bán nước chưa được điều chỉnh so với năm 2019 ảnh hưởng đến chi tiêu doanh thu.

Sản lượng nước thương phẩm chưa đạt kế hoạch đề ra song tăng trưởng 1,2% so năm 2019. Nguyên nhân chưa đạt kế hoạch do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên một số hộ khách hàng tiêu thụ lớn, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải tạm dừng hoặc thu hẹp hoạt động; nhiều hộ khách hàng kể cả hộ dân và các cơ quan, đơn vị vẫn còn sử dụng cả nguồn nước tự khai thác từ giếng khoan, giếng đào; khu vực thành phố Thái Nguyên đang thực hiện nhiều các công trình, dự án cải tạo nâng cấp lòng đường, vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật nên ảnh hưởng đến việc cấp nước liên tục và thất thoát nước; nguồn cấp nước các khu vực cao, xa, lân cận phía Bắc, phía Tây thành phố Thái Nguyên còn hạn chế. Chất lượng dịch vụ cấp nước một số khu vực trung tâm thành phố Thái Nguyên đã được nâng lên do Công ty lắp đặt bổ sung bơm tăng áp.

Tito

Thực hiện văn bản của UBND tỉnh Thái Nguyên, Công ty đã chia sẻ khó khăn với khách hàng trong thời gian cao điểm phòng, chống dịch Covid-19 bằng việc thực hiện giảm 03% giá bán nước cho toàn bộ hộ khách hàng sinh hoạt trong 02 tháng và hỗ trợ miễn giảm tiền nước cho các hộ nghèo, giảm giá cho hộ cận nghèo trong 03 tháng nên ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết gồm cả CP đại diện (Tính đến ngày 31/12/2020)
1.	Nguyễn Xuân Học	TGD	1971	Cử nhân Kinh tế	3.449.232
2.	Nguyễn Văn Tiến	PTGD	1969	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp	1.656.984
3.	Nguyễn Bá Quyết	PTGD	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Kỹ sư Cấp Thoát nước	0
4.	Nông Quốc Bình	PTGD	1962	Kỹ sư Kinh tế	0
5.	Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	1984	Cử nhân Kế toán	0

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

Từ ngày 02/7/2020 ông Nguyễn Xuân Học - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công ty chính thức được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty.

Từ ngày 01/4/2020 ông Nguyễn Minh Phương được bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty thay bà Nguyễn Cẩm Tú nghỉ hưu theo chế độ.

2.3 Số lượng cán bộ CNV-LĐ thuộc công ty tính đến hết ngày 31/12/2020:

Tổng số lao động: 455 người (Bao gồm cả 40 người của 02 công ty con)

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước, quy chế nội bộ không có thay đổi lớn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Giải ngân 121.260 triệu đồng thuộc Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên.

- Hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng công trình Tuyến ống cấp nước Khu công nghiệp Sông Công II với giá trị hoàn thành 11.269 triệu đồng.

Tm

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 các công ty con, công ty liên kết đều bảo toàn vốn, bảo đảm việc làm và thu nhập người lao động, kinh doanh có lợi nhuận nhưng chỉ tiêu về khả năng sinh lời chưa cao.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	514.837.840.426	655.882.418.243	27,4 %
	- Tài sản ngắn hạn	đồng	118.002.192.548	211.571.564.220	79,29 %
	- Tài sản dài hạn	đồng	396.835.647.878	444.310.854.023	11,96 %
2	Doanh thu thuần	đồng	187.445.682.555	185.851.280.215	(0,85) %
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	đồng	10.735.588.528	10.110.356.823	(5,82) %
4	Lợi nhuận khác	đồng	(1.060.062.270)	(99.544.977)	90,61 %
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	9.675.526.258	10.010.811.846	3,47 %
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.835.476.559	6.956.578.646	43,87 %
	- Khu vực cổ phần	đồng	16.090.971.836	15.024.152.095	(6,63) %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(11.255.495.277)	(8.067.573.449)	28,32 %
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	302,22	434,79	43,8 %
	- Khu vực cổ phần	đồng	1.006	939	(6,63) %

b). Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu		Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,75	0,99	
	- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,65	0,91	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,54	0,65	
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,18	1,84	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				

TW

	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	4,93	4,50	
	- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	lần	0,36	0,28	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	- Hệ số P sau thuế/ DT thuần	lần	0,026	0,037	
	- Hệ số P sau thuế/ Vốn CSH	lần	0,021	0,030	
	- Hệ số P sau thuế/ Tổng TS	lần	0,009	0,011	
	- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần	lần	0,57	0,54	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 cổ phần, bao gồm 100% là cổ phần phổ thông, trong đó:

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước sở hữu: 6.763.200 cổ phần

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Ngày 25/4/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên

+ Mã chứng khoán: TNW

+ Mã ISIN: VN000000TNW1

+ Sàn giao dịch: UPCOM

+ Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

+ Số lượng cổ phiếu đăng ký: 16.000.000 cổ phiếu

+ Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)

+ Hình thức đăng ký: Ghi sổ

- Ngày 26/5/2017 Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

b) Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm tháng 31/12/2020):

(1) Cơ cấu theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:

- Cổ đông lớn: 03 CĐ, nắm giữ 93,31% Vốn Điều lệ

- Cổ đông nhỏ: 349 CĐ, nắm giữ 6,69% Vốn Điều lệ

- (2) Cơ cấu cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân:
- Cổ đông là tổ chức: 02 CĐ, nắm giữ 83,27% Vốn Điều lệ
 - Cổ đông là cá nhân: 350 CĐ, nắm giữ 16,73% Vốn Điều lệ
- (3) Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:
- Cổ đông trong nước: 352 CĐ, nắm giữ 100% Vốn Điều lệ
 - Cổ đông nước ngoài: không có
- (4) Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác
- Cổ đông nhà nước: 01 CĐ, nắm giữ 42,27% Vốn Điều lệ
 - Cổ đông khác: 351 CĐ, nắm giữ 57,73% Vốn Điều lệ

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có sự thay đổi.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Nước: 19.220.718 m³
- Clo lỏng: 79.080 kg
- Javen công nghiệp: 112.145 kg
- Phèn kép: 243.530 kg
- Vôi: 108.450 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện năng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 5.738.417 KWh.

b) Điện năng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

Handwritten signature

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước ngầm và nước sông Công. Lượng nước sử dụng: 19.220.718 m³ dùng làm nguyên liệu để sản xuất nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: 455 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 8.100.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khoẻ, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật lao động hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; học tập về các văn bản của Đảng, pháp luật mới của Nhà nước...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cấp nước.

Chia sẻ với người dân bị ảnh hưởng vì dịch bệnh Covid-19, Công ty đã thực hiện giảm 3% giá bán nước cho toàn bộ hộ khách hàng sinh hoạt trong 02 tháng và hỗ trợ miễn giảm tiền nước cho các hộ nghèo, giảm giá cho hộ cận nghèo trong 03 tháng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TWS

Năm 2020 Ban Tổng Giám đốc đã tập trung điều hành quyết liệt nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đề ra, công tác sản xuất nước duy trì ổn định, an toàn, cung cấp đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, bảo đảm chất lượng và các định mức kỹ thuật. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 bị ảnh hưởng lớn do dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là khoảng thời gian phải thực hiện cách ly, giãn cách xã hội đã ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD, cụ thể:

- Sản lượng nước thương phẩm đạt 98,5% so kế hoạch năm, tăng trưởng 1,2% so năm 2019; Tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm tăng 0,28% so kế hoạch, giảm được 0,1% so năm 2019. Nguyên nhân chính là số hộ khách hàng tiêu thụ lớn, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải tạm dừng hoặc thu hẹp hoạt động do dịch bệnh Covid-19; nhiều hộ khách hàng kể cả hộ dân và các cơ quan, đơn vị vẫn còn sử dụng cả nguồn nước tự khai thác từ giếng khoan, giếng đào; khu vực thành phố Thái Nguyên đang thực hiện nhiều các công trình, dự án cải tạo nâng cấp lòng đường, vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật nên ảnh hưởng đến việc cấp nước liên tục và thất thoát nước; nguồn cấp nước các khu vực cao, xa, lân cận phía Bắc, phía Tây thành phố Thái Nguyên còn hạn chế.

- Tổng doanh thu đạt 87,5% so với kế hoạch năm, giảm 2,5% so với năm 2019. Nguyên nhân do: Giá trị tổng sản lượng chưa đạt kế hoạch; năm 2020 chưa được điều chỉnh tăng giá bán nước sạch theo kế hoạch dự kiến đề ra; Công ty đã thực hiện miễn, giảm tiền nước cho khách hàng trong thời gian ảnh hưởng của dịch COVID-19; doanh thu hoạt động tài chính giảm 79,9% so năm 2019. Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 80,2 % kế hoạch, tuy nhiên do trong năm Công ty chưa tăng Vốn điều lệ nên tỷ lệ trả cổ tức vẫn bảo đảm theo kế hoạch.

Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên đã giải quyết được các vướng mắc chính về bồi thường giải phóng mặt bằng nên các gói thầu thi công đã được khởi công; giải ngân dự án chưa hoàn thành do vướng mắc công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và Công ty đã chủ trương xin gia hạn Dự án thêm 01 năm; công tác gia hạn Dự án đã được các cấp có thẩm quyền chấp thuận.

Công tác phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tăng vốn điều lệ, sáp nhập các đơn vị cấp huyện chưa thực hiện do chưa có hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể của các cơ quan quản lý Nhà nước. Việc thoái vốn nhà nước tạm dừng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Các hoạt động khác của Công ty được duy trì ổn định, bảo đảm 100% người lao động có việc làm và thu nhập ổn định, tăng trưởng; công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự được giữ vững.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Tổng cộng tài sản tăng 27,3% so năm 2019 chủ yếu do tăng các khoản: Trả trước cho người bán ngắn hạn, tài sản dở dang dài hạn và đầu tư tài chính dài hạn.

b) Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính: Các khoản vay ngắn hạn giảm so năm 2019; khoản vay dài hạn tăng là các khoản vay đầu tư Dự án Phát triển cấp nước thành phố Thái Nguyên. Các khoản vay và nợ thuê tài chính đều có khả năng trả nợ, không có khoản nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục chủ trương tinh giản bộ máy tổ chức, đánh giá hiệu quả công việc nguồn nhân lực hàng tháng; tăng cường cơ chế khuyến khích người lao động có thành tích mang lại hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Hoàn thành Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên.
- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới để phát huy công suất nhà máy nước Nam Núi Cốc.
- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.
- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp và gây thất thoát nước lớn.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước sản xuất theo quy định.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và công tác xã hội tại địa phương. Công ty đã chia sẻ khó khăn với khách hàng trong thời gian cao điểm phòng, chống dịch Covid-19 bằng việc thực hiện giảm 3% giá bán nước cho toàn bộ hộ khách hàng sinh hoạt trong 02 tháng và hỗ trợ miễn giảm tiền nước cho các hộ nghèo, giảm giá cho hộ cận nghèo trong 03 tháng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhất trí theo báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

+ *Ưu điểm:* Đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch đề ra, đã có nhiều nỗ lực, giải pháp tích cực nhằm thực hiện kế hoạch sản lượng nước thương phẩm, kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước, bảo đảm tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức khu vực cổ phần theo kế hoạch, an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động nghiêm trọng xảy ra; đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

+ *Hạn chế:* Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt được kế hoạch của ĐHCĐ đề ra (Sản lượng nước thương phẩm, tổng doanh thu, giải ngân Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên) do có nhiều yếu tố khách quan tác động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Công tác sản xuất nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là phát triển cấp nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục rà soát đề tổ chức bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp với tính chất ngành nghề, nâng cao chất lượng cán bộ, người lao động.

- Tiếp tục xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật để nâng cao công tác quản lý, giám sát; xây dựng mô hình khoán hiệu quả, phù hợp đối với từng lĩnh vực.

- Kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh giá bán nước sạch khi có các biến động về chi phí sản xuất ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, hướng tới giá nước sinh hoạt khu vực cổ phần không áp dụng dụng giá lũy tiến để khuyến khích người dân sử dụng nước bảo đảm vệ sinh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục triển khai, nghiên cứu thực hiện các dự án đầu tư:

+ Dự án phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên bằng nguồn vốn vay ADB và vốn Công ty;

+ Dự án Cấp nước cho nghĩa trang An Lạc Viên INDEVCO và nhân dân trong khu vực lân cận xã Thịnh Đức;

+ Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho khu hành chính mới và các khu dân cư trên địa bàn huyện Đồng Hỷ;

Trần Văn Tuấn

- Tiếp tục đầu tư thay thế các tuyến ống cũ, ống thép cũ trước đồng hồ, sửa chữa lớn các tài sản cố định đã hư hỏng, xuống cấp; đầu tư đường ống bổ sung lưu lượng cấp nước cho khu vực trung tâm thành phố Thái Nguyên, phía Tây, phía Bắc thành phố Thái Nguyên, bổ sung hệ thống đường ống mới để phát triển cấp nước các khu vực chưa được cấp nước, các khu vực mới sáp nhập về thành phố Thái Nguyên.

- Đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý sản xuất nước sạch, quản lý khai thác tài nguyên nước, quản lý chống thất thu, thất thoát, an toàn vệ sinh lao động, nâng cao chất lượng công tác thông tin, giao dịch với khách hàng (Ghi số đồng hồ, thu ngân, tiếp nhận thông tin của khách hàng...), trong đó ưu tiên nội dung đầu tư để đáp ứng theo yêu cầu quy định của pháp luật nhà nước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 31/12/2020)	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại Công ty khác
1	Nguyễn Quang Mãi	8.167.446	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn quốc tế Đông Á. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam. - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước sạch Hưng Yên. - Chủ tịch HĐQT Công ty DOINCO Việt Nam.
2	Nguyễn Xuân Học	3.449.232	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Văn Tiên	1.656.984	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam.
4	Nguyễn Bá Quyết	0	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
5	Nông Quốc Bình	0	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã có 20 phiên họp để xem xét và quyết định các nội dung theo thẩm quyền và nghĩa vụ quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các buổi họp của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung và kết quả các cuộc họp được phản ánh đầy đủ tại Báo cáo Quản trị năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: HĐQT chưa có thành viên độc lập.

e) Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và Tên	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Bá Quyết	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Nông Quốc Bình	Kỹ sư Kinh tế
3	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị trong năm:

TT	Họ và Tên	Chương trình đào tạo
1	Nguyễn Xuân Học	Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp
2	Nguyễn Bá Quyết	Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp
3	Nguyễn Văn Tiến	Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 31/12/2020)
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng Ban (Miễn nhiệm ngày 16/6/2020)	75
2	Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban (Từ ngày 16/6/2020)	0
3	Hoàng Thị Huệ	Thành viên	13.611
4	Thân Hương Lan	Thành viên	0

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Tổ chức 05 cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cụ

7/15

thể: Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ; xem xét đánh giá kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

TT	Diễn giải	Lương+ phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Các khoản khác (lễ, tết)	Tổng cộng
I	HĐQT, Ban TGD					
1	Nguyễn Quang Mãi	169.400.000	192.263.840	528.000.000	7.700.000	897.363.840
2	Nguyễn Xuân Học	435.737.000	100.000.000	48.000.000	7.700.000	591.437.000
3	Nguyễn Bá Quyết	302.897.000	100.000.000	115.200.000	7.700.000	525.797.000
4	Nguyễn Văn Tiến	260.927.000	100.000.000	115.200.000	7.700.000	483.827.000
5	Nông Quốc Bình	261.301.000	100.000.000	115.200.000	7.700.000	484.201.000
II	Ban Kiểm Soát					
1	Vũ Tiến Bộ		70.000.000	180.000.000	6.700.000	256.700.000
2	Vũ Khánh Lâm		0	150.000.000	1.000.000	151.000.000
3	Hoàng Thị Huệ	124.379.883	60.000.000	84.480.000	7.700.000	276.559.883
4	Thân Hương Lan		55.000.000	184.800.000	7.700.000	247.500.000
III	Cán bộ quản lý					
1	Nguyễn Minh Phương	328.027.000	0	0	0	328.027.000
2	Đặng Thị Duyên	283.369.570	55.000.000	0	7.700.000	346.069.570
3	Trần Tiến Soạn	304.505.785	55.000.000	0	7.700.000	367.205.785
4	Lê Huy Phú	337.725.494	55.000.000	0	7.700.000	400.425.494
5	Phạm Thị Thanh Ngân	453.541.822	55.000.000	0	7.700.000	516.241.822

Jm

6	Nguyễn Thị Nhâm	283.162.712	55.000.000	0	7.700.000	345.862.712
7	Phạm Quốc Hùng	306.514.568	55.000.000	0	7.700.000	369.214.568
8	Phạm Đức Mạnh	306.664.429	55.000.000	0	7.700.000	369.364.429
9	Hà Văn Hải	416.714.436	80.000.000	0	7.700.000	504.414.436
10	Phạm Hồng Hà	262.939.969	30.000.000	0	7.700.000	300.639.969
11	Nguyễn Huy Quỳnh	192.644.151	55.000.000	0	7.700.000	255.344.151

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Tại Phụ lục 1 kèm theo.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên (Là Công ty con) về việc thi công mở mạng phát triển khách hàng mới và thay thế đồng hồ đo nước trên hệ thống mạng cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty.

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 thay thế Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 - quy định chuyển tiếp trong thời hạn 02 năm kể từ 01 tháng 01 năm 2021, do đó Công ty sẽ có kế hoạch rà soát để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ để bảo đảm phù hợp với quy định của các văn bản pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên: Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Trong năm 2020, Lợi nhuận trước thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty không bao gồm kết quả hoạt động của các Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nai, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Diềm Thụy (Đây là các Xí nghiệp thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động theo các quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên).

TW

Theo công văn số 3331/UBND-KTTH ngày 02/12/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện thông báo số 811/TB-BTC ngày 10/11/2014 của Bộ Tài chính, công văn yêu cầu Sở Tài chính phối hợp Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Quản lý giá tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện đề án bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và giải quyết bù trừ lỗ của các Xí nghiệp nước sạch các huyện, từ nguồn cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh Thái Nguyên vẫn chưa giải quyết bù trừ lỗ cho Công ty. Số lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2020 của các Đơn vị trên là: 73.819.753.641 VND.

Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. HĐQT Công ty đã xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 và được công bố thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Nguyễn Quang Mãi



Phụ lục 1

DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ - NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
(Tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
						Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	UBND Tỉnh Thái Nguyên		Cổ đông NN		Số 18 đường Nha Trang, TP Thái Nguyên	6.763.200	42,27	6.763.200	42,27	
1.1	Nguyễn Xuân Học		Người đại diện phụ trách chung vốn Nhà nước	CMND:090669837 cấp ngày 29/7/2014 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên	Tổ 8, phường Phan Đình Phùng - thành phố Thái Nguyên	3.449.232	21,56	3.449.232	21,56	
1.2	Nguyễn Văn Tiến		Người đại diện vốn Nhà nước	CMND: 090519013 cấp ngày 10/1/2017 nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ - thành phố Thái Nguyên	1.656.984	10,36	1.656.984	10,36	
1.3	Lê Huy Phú		Người đại diện vốn Nhà nước	CMND:090880326 cấp ngày 17/7/2010 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên	Tổ 6 - P.Tân Lập - Thành Phố Thái Nguyên	1.656.984	10,36	1.656.984	10,36	
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á		Cổ đông lớn	Số ĐKKD 101933309 đăng ký ngày 31/10/2015	Số 85- Nguyễn Văn Trỗi-Phuong Liệt-Thanh Xuân- Hà Nội	6.560.000	41,00	6.560.000	41,00	

(Handwritten signature)

3	Nguyễn Quang Mãi	073C007266 mở tại Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall	Chủ tịch HDQT	CMND: 013122193, Ngày cấp 19/7/2012, Nơi cấp Công an thành phố Hà Nội	Số nhà 2601, nhà R1, Khu đô thị Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	713.208	4,46	1.607.446	10,05	Mua
3.1	Nguyễn Thị Cúc		Vợ ông Nguyễn Quang Mãi	CMND: 013122192, Ngày cấp 02/10/2008, Nơi cấp Công an thành phố Hà Nội		0	0,00	0	0,00	
3.2	Nguyễn Linh Phương		Con gái ông Nguyễn Quang Mãi		Số nhà 2601, nhà R1, Khu đô thị Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0,00	0	0,00	
3.3	Nguyễn Khánh Vân		Con gái ông Nguyễn Quang Mãi			0	0,00	0	0,00	
4	Nguyễn Xuân Học	073C590005 tại Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	Thành viên HDQT - Tổng Giám đốc Công ty	CMND:090669837 cấp ngày 29/7/2014 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên	Tổ 8, phường Phan Đình Phùng - thành phố Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
4.1	Nguyễn Thị Nhâm	073C590028 tại Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall	Vợ ông Nguyễn Xuân Học	CMND: 090767964 cấp ngày 18/1/2017 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
4.2	Nguyễn Xuân Tiến		Con trai ông Nguyễn Xuân Học	CMND: 091849442, Ngày cấp 14/4/2011, Nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
4.3	Nguyễn Thị Khánh Linh		Con gái ông Nguyễn Xuân Học			-	0,000	-	0,000	

Tus

5	Nguyễn Bá Quyết	073C100366 mở tại Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty	CMND số: 141786366, Ngày cấp 29/03/2008, Nơi cấp: CA Hải Dương	SN 55 Vũ Văn Dũng - Phường Quang Trung - Thành phố Hải Dương	-	0,000	-	0,000	
5.1	Vũ Thị Hà		Vợ ông Nguyễn Bá Quyết	CMND số: 141786513 Ngày cấp 22/4/2013, Nơi cấp: CA Hải Dương		-	0,000	-	0,000	
5.2	Nguyễn Hoàng Anh		Con trai ông Nguyễn Bá Quyết	Số hộ chiếu: C4118314 ngày cấp 7/11/2017 - 7/11/2027	SN 55 Vũ Văn Dũng - Phường Quang Trung - Thành phố Hải Dương	-	0,000	-	0,000	
5.3	Nguyễn Hà Trang		Con gái ông Nguyễn Bá Quyết			-	0,000	-	0,000	
6	Nông Quốc Bình	073C002157 tại Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty	CMND số: 090042157 Ngày cấp :16/5/2009, Nơi cấp: CA Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
6.1	Trần Thị Quý		Vợ ông Nông Quốc Bình	CMND: 090898136, Ngày cấp 19/3/2017, nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên	Tổ 12, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
6.2	Nông Thị Hồng Duyên		Con gái ông Nông Quốc Bình	CMND: 092006952, Ngày cấp 02/8/2017, Nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
7	Nguyễn Văn Tiến	073C590013 tại Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty	CMND: 090519013 cấp ngày 10/1/2017 nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên	Tổ 26, Phường Hoàng Văn Thụ - thành phố Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	

Tus

7.1	Nguyễn Thị Thúy		Vợ ông Nguyễn Văn Tiền	CMND quân đội 117619841179, Ngày cấp 01/01/2020, nơi cấp Quân khu 1	Tổ 26, Phường Hoàng Văn Thụ - thành phố Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
7.2	Nguyễn Thảo Nguyễn		Con gái ông Nguyễn Văn Tiền	CMND: 091880446 cấp ngày 13/4/2015 nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
7.3	Nguyễn Minh Quân		Con trai ông Nguyễn Văn Tiền			-	0,000	-	0,000	
8	Nguyễn Minh Phương		Kế toán trưởng Công ty	Thẻ căn cước:001084010700 Ngày cấp 23/9/2015, Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư	P1610, CT10C, KĐT Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	-	0,000	-	0,000	
8.1	Phạm Thanh Huyền		Vợ ông Nguyễn Minh Phương	CMND: 017492293 cấp ngày 28/9/2013 nơi cấp Công an tỉnh Thái Nguyên	P1610, CT10C, KĐT Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	-	0,000	-	0,000	
8.2	Nguyễn Khánh Chi		Con gái ông Nguyễn Minh Phương			-	0,000	-	0,000	

10
TY
AI
AC
YE
TH

9	Vũ Khánh Lâm		Trưởng Ban Kiểm soát	Thẻ căn cước số: 015085000024, cấp ngày: 26/3/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư	75 Nguyễn Tam Trinh, Mai động, Hoàng Mai, Hà Nội	-	0,000	-	0,000	
9.1	Phạm Thanh Hương		Vợ ông Vũ Khánh Lâm	Thẻ căn cước số: 015188000075, Ngày cấp: 11/6/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư		-	0,000	-	0,000	
10	Thân Hương Lan		Kiểm soát viên	Thẻ căn cước số: 024193000113, Ngày cấp 31/8/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư	Ngọc Vân - Tân Yên - Bắc Giang	-	0,000	-	0,000	
10.1	Lê Tiến Dũng		Chồng bà Thân Hương Lan	CMND: 230714319, Ngày cấp 06/2/2017, Nơi cấp CA tỉnh Gia Lai	Thị trấn Kbang, Huyện Kbang, Gia Lai	-	0,000	-	0,000	
11	Hoàng Thị Huệ		Kiểm soát viên	CMND: 090762615, Ngày cấp 27/3/2010, Nơi cấp CA Thái Nguyên	Tổ 8, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh TN	13.611	0,085	13.611	0,085	
11.1	Nguyễn Huy Biên		Chồng bà Hoàng Thị Huệ	CMND: 90745509, Ngày cấp 20/3/2010, Nơi cấp CA Thái Nguyên		9.632	0,060	9.632	0,060	
11.2	Nguyễn Thu Hà		Con gái bà Hoàng Thị Huệ		Tổ 8, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh TN	-	0,000	-	0,000	

11.3	Nguyễn Công Tráng		Con trai bà Hoàng Thị Huệ		Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
12	Đỗ Thị Thanh Hương	073C590158 tại Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	Người được ủy quyền công bố thông tin	CMND: 090884636, Ngày cấp 15/7/2017, Nơi cấp CA Thái Nguyên	Tổ 8 Phường Đồng Quang Thành phố Thái Nguyên	-	0,000	-	0,000	
12.1	Trần Quốc Tuấn		Chồng bà Đỗ Thị Thanh Hương	CMND: 090691957, Ngày cấp 15/12/2014, Nơi cấp CA Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
12.2	Trần Quốc Thái		Con trai bà Đỗ Thị Thanh Hương	CMND: 092090431, Ngày cấp 01/4/2020, Nơi cấp CA Thái Nguyên		-	0,000	-	0,000	
12.3	Trần Xuân Bách		Con trai bà Đỗ Thị Thanh Hương			-	0,000	-	0,000	
13	Lê Huy Phú		Người đại diện vốn Nhà nước, Thư ký Công ty	CMND: 090880326 cấp ngày 17/7/2010 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên		Tổ 6 - P.Tân Lập - Thành Phố Thái Nguyên	48		48	
13.1	Trần Thu Huyền		Vợ ông Phú	CMND: 091045654 cấp ngày 26/8/2018 nơi cấp Công an Tỉnh Thái Nguyên	-			-		
13.2	Lê Trần Minh		Con trai ông Phú		-			-		
13.3	Lê Nhật Linh		Con gái ông Phú		Tổ 6 - P.Tân Lập - Thành Phố Thái Nguyên	-		-		
	Tổng cộng					14.059.699	87,87	14.953.937	93,46	